TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-ST
Ngày: 24 - 2 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hưng Quang.
2. Ông Nguyễn Trọng Di.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa***: Ông Trần Hải Điền, Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 137/2021/TLST-HS ngày 22/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2021/QĐXXST-HS ngày 10/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N (N U), sinh năm 1995, tại tỉnh Bình Thuận. Hộ khẩu thường trú: Không đăng ký; Chỗ ở hiện nay: Khu phố M1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H1 (chết) và bà Ngô Thị Xuân T3; Vợ, con: Không có; Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 16/7/2021 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Chí Công ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPVPHC số tiền 3.000.000 đồng do có hành vi sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép (đã thi hành xong);

Hoạt động nhân thân: Tại bản án số 29/2014/HSST ngày 15/5/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ", chấp hành xong án phạt tù ngày 18/12/2015 (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt ngày 07/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong, có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Quang H (H N), sinh năm 1982, tại tỉnh Bình Thuận. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố H2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong,

tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Thợ hàn; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Quang D (chết) và bà Nguyễn Thị X; Có vợ Lê Thị H3 (không đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 2020; Tiền án: 02 tiền án:

- Tại bản án số 734/PTHS ngày 24/4/2001 bị cáo Tòa phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 năm tù về tội "Giết người", 01 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", buộc phải chấp hành chung hình phạt cho cả hai tội là 13 năm tù, chấp hành xong án phạt tù ngày 31/8/2012.

- Tại bản án số 195/2013/HSST ngày 14/11/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong án phạt tù ngày 27/4/2019.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 07/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn T (D), sinh năm 1996, tại tỉnh Bình Thuận. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố P, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Nghề nghiệp: Làm biển. Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh H4 và bà Lê Thị K; Có vợ Nguyễn Thị H5 và 01 con sinh năm 2019; Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 29/8/2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 29/8/2020 (chấp hành xong ngày 29/11/2020).

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1. Bà **Ngô Thị T1**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H6, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã B, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Hữu N1**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Hồ Thị Viết T2**, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H6, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông **Nguyễn Lộc Q**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

3. Ông **Trương Quang M**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H7, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên Nguyễn Văn N, Trương Quang H cùng nhau thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản và cùng với Lê Văn T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 01/6/2021, Nguyễn Văn N rủ Trương Quang H đi cướp giật tài sản, H đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 86B1-560.40 (H mượn của anh ruột là Trương Quang M) chở N đi từ thị trấn Phan Rí Cửa đến khu vực chợ mới xã Chí Công, huyện Tuy Phong. Hùng điều khiển xe mô tô chở N chạy lên lề đường và đứng trong bóng tối dưới gốc cây gần cổng Nam chợ mới Chí Công thuộc thôn Thanh Tân, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, đầu xe mô tô quay về hướng đường ĐT716 và ngồi sẵn trên xe, N xuống xe đứng quan sát tìm tài sản cướp giật. Đến khoảng 18 giờ 50 phút thì N nhìn thấy Ngô Thị T1 và Hồ Thị Viết T2 đang đi bộ tới, N liền nói với H sẽ giật dây chuyền của hai người phụ nữ và dặn H khi N giật xong H chạy xe tới chở N tẩu thoát. T1 và T2 đi bộ ngang qua cổng Nam của chợ hướng về đường ĐT716, Nhí chạy theo sau đến gần ngã 3 đường chợ và đường ĐT716, N áp sát T1 dùng tay giật sợi dây chuyền vàng của T1 đang đeo trên cổ rồi bỏ chạy về hướng đường ĐT716 được khoảng 08 mét, H điều khiển xe từ phía sau chạy đến chở N tẩu thoát về hướng thị trấn Phan Rí Cửa. Sau đó, N và H đưa sợi dây chuyền cướp giật được đến bán tại dịch vụ cầm đồ Lộc Bích do Nguyễn Lộc Q làm chủ. Q không biết đây là tài sản do H và N phạm tội mà có nên đồng ý mua và đưa cho H 7.200.000 đồng. H và N chia nhau mỗi người được 2.400.000 đồng, còn lại 2.400.000 đồng N và H cùng tiêu xài chung. Sau khi mua sợi dây chuyền của H thì Q đã nấu phân kim sợi dây chuyền nên không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-HĐĐG ngày 30/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phong kết luận:

+ 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,1 chỉ, trị giá:

3.300.000 đồng/chỉ x 2,1 chỉ = **6.930.000 đồng**.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 19 giờ ngày 01/8/2021, Nguyễn Văn N rủ Trương Quang H, Lê Văn T đi trộm cắp tài sản, H và T đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 86B1-560.40 chở N và T từ thị trấn Phan Rí Cửa đi theo đường ĐT716, khi đến quán tạp hóa Bảy Kim của Nguyễn Thị Kim L thuộc thôn 1, xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong thì nhìn thấy quán tạp hóa khóa cửa và không có người nên dừng xe lại, N và T đi xung quanh nhà để kiểm tra thấy cửa sau cũng đóng cửa nên N leo lên mái tôn sau nhà rồi bảo T ném cục đá lên cho N, N dùng đá đập vỡ tôn sau đó Nhí vào bên trong nhà, mở cửa sau cho T và H đi vào nhà. H nhìn thấy có camera lắp trên cửa nhà L nên H giật mạnh camera xuống, sau đó H và N khiêng hai cái bình ắc quy hiệu GS và hiệu SCB loại 100 Ah từ trong nhà ra ngoài, còn T lấy 04 cây

thuốc lá 555, 03 cây thuốc lá Craven, 15 gói thuốc lá Cotab, 5 gói thuốc lá Bastos, 6 gói thuốc lá Saigon bạc, 12 card điện thoại mệnh giá 50.000 đồng (trong đó có 08 thẻ card Viettel, 02 thẻ card Vinaphone, 02 thẻ card Vietnammobile), 06 thẻ card điện thoại Vietnammobile mệnh giá 20.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4. Sau đó, N và T khiêng hai cái bình ắc quy để phía trước xe mô tô, H điều khiển xe mô tô chở N và T cùng tài sản trộm cắp được về lại thị trấn Phan Rí Cửa. Nhí chở 02 bình ắc quy đến khu vực bờ biển thuộc khu phố M1, thị trấn Phan Rí Cửa cất giấu. Sau đó, N và T đưa card điện thoại và thuốc lá bán cho nhiều người dân ở thị trấn Phan Rí cửa được 960.000 đồng, T giữ lại 2 card điện thoại mỗi card mệnh giá 50.000 đồng nạp vào điện thoại của T để sử dụng. N chia cho H 350.000 đồng, chia cho T 250.000 đồng, N giữ 250.000 đồng, còn lại 110.000 đồng cả nhóm tiêu xài chung. Tiếp tục N và T kiểm tra điện thoại Iphone 4 trộm cắp của L thì thấy máy bị hư nên N đã vứt xuống biển tại khu phố M1, thị trấn Pha Rí Cửa. Đến sáng ngày 02/8/2021, N lấy 01 bình ắc quy hiệu SCB đưa đến tiệm bán phế liệu ở đường Thống Nhất, thị trấn Phan Rí Cửa bán với giá 300.000 đồng, N mua 01 tép heroin của một người không rõ nhân thân lai lịch với giá 100.000 đồng đưa cho T, N giữ lại 200.000 đồng. Ngày 02/8/2021 Công an thị trấn Phan Rí Cửa tiến hành tuần tra tại khu vực bờ biển thuộc khu phố M1, thị trấn Phan Rí Cửa đã phát hiện 01 bình ắc quy màu trắng xanh, hiệu GS loại 100Ah, do Việt Nam sản xuất nên tiến hành tạm giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG ngày 18/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phong kết luận:

+ 01 bình ắc quy màu trắng xanh, hiệu GS loại 100Ah, do Việt Nam sản xuất
2.100.000 đồng/chiếc x 60% = 1.260.000 đồng

+ 01 bình ắc quy màu trắng đỏ, hiệu SCB loại 100Ah
2.100.000 đồng/chiếc x 60% = 1.260.000 đồng

+ 04 cây thuốc lá 555 (loại 01 cây 10 gói, 01 gói 20 điếu thuốc lá) = 40 gói
30.000 đồng/gói x 40 gói = 1.200.000 đồng

+ 03 cây thuốc lá Craven đỏ (loại 01 cây 10 gói, 01 gói 20 điếu thuốc lá) = 30 gói
20.000 đồng/gói x 30 gói = 600.000 đồng

+ 01 cây, 05 gói thuốc lá Cotab (loại 01 cây 10 gói, 01 gói 20 điếu thuốc lá) = 15 gói
12.000 đồng/gói x 15 gói = 180.000 đồng

+ 05 gói thuốc lá Bastos (loại 01 cây 10 gói, 01 gói 20 điếu thuốc lá)
12.000 đồng/gói x 05 gói = 60.000 đồng

+ 06 gói thuốc lá Saigon bạc (loại 01 cây 10 gói, 01 gói 20 điếu thuốc lá)
12.000 đồng/gói x 06 gói = 72.000 đồng

+ 08 thẻ card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng
50.000 đồng/thẻ card x 8 = 400.000 đồng

+ 02 thẻ card điện thoại Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng
50.000 đồng/thẻ card x 2 = 100.000 đồng

+ 02 thẻ card điện thoại Vietnammobile mệnh giá 50.000 đồng
50.000 đồng/thẻ card x 2 = 100.000 đồng

+ 06 thẻ card điện thoại Vietnammobile mệnh giá 20.000 đồng

20.000 đồng/thẻ card x 6 = 120.000 đồng

Tổng giá trị tài sản định giá: 5.352.000 đồng.

* Riêng tài sản: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 4, màu đen, do tài sản chưa thu hồi được, không rõ thông số kĩ thuật và không cung cấp được hóa đơn, chứng từ mua bán… do đó Hội đồng định giá không có cơ sở để định giá tài sản nêu trên.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 18 giờ ngày 04/8/2021, Trương Quang H rủ Nguyễn Văn N đi cướp giật dây chuyền những người dân đi tập thể dục, N đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 86B1-560.40 chở N đi lòng vòng ở thị trấn Phan Rí Cửa sau đó đến đường Thống Nhất thuộc khu phố Thanh Giang 2, thị trấn Phan Rí Cửa thì N nhìn thấy Lê Thị P đang đi xe đạp điện một mình, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền nên N nói cho H biết. H điều khiển xe xe mô tô chạy theo phía sau và áp sát phía bên trái của P, N ngồi phía sau dùng tay phải giật mạnh sợi dây chuyền của P, N lấy được sợi dây chuyền còn mặt dây chuyền hình tròn có khắc hình con rồng thì rơi xuống mặt đường, H tăng ga điều khiển xe tẩu thoát, P đã nhặt lại mặt dây chuyền trên. Trên đường bỏ chạy N có nói cho H biết lúc giật sợi dây chuyền bị rớt mặt dây chuyền nên H để N đứng chờ tại khu vực gần tiệm vàng Ngọc Châu thuộc khu phố Giang Hải 3, Phan Rí Cửa rồi điều khiển xe quay lại địa điểm cướp giật để tìm mặt dây chuyền nhưng không thấy. Sau đó, H điều khiển xe quay lại chỗ N đang đứng đợi, N đưa sợi dây chuyền cho H trực tiếp vào tiệm vàng Ngọc Châu bán cho ông Nguyễn Hữu N1 là chủ tiệm vàng, N1 không biết đây là tài sản do H phạm tội mà có nên đồng ý mua và đưa cho H 7.700.000 đồng. Sau khi nhận tiền H nói với N chỉ bán được dây chuyền với giá 5.200.000 đồng rồi chia cho N số tiền 1.400.000 đồng, còn lại H được 6.300.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐG ngày 26/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phong kết luận:

+ 01 sợi dây chuyền, loại vàng 18K, trên móc khóa của sợi dây chuyền có ký hiệu K*L*, hàm lượng vàng có ký hiệu 610, trọng lượng 3,155 chỉ

3.150.000 đồng/chỉ x 3,155 chỉ = 9.938.250 đồng

+ 01 mặt dây chuyền hình tròn có khắc hình con rồng, loại vàng 18K, trên móc khóa có ký hiệu K*L* (610), trọng lượng 0,661 chỉ

3.150.000 đồng/chỉ x 0,661 chỉ = 2.082.150 đồng

Tổng giá trị tài sản định giá: 12.020.400 đồng

Tại bản Cáo trạng số 156/CT-VKSTP-HS ngày 20/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận đã truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Bị cáo Trương Quang H về tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản" theo điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong*: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Quang H phạm tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 04 năm – 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", 01 năm – 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 05 năm – 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2021.

Áp dụng điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Trương Quang H từ 05 năm – 05 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", 02 năm – 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 07 năm – 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 06 tháng – 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị trả lại ngay cho bị cáo N số tiền đã nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001503 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

- *Ý kiến các bị cáo*: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là đúng, không oan. Bị cáo N và bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã cung cấp đầy đủ lời khai, việc vắng mặt

của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Xét thấy các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai phạm tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Do do không có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng, các bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Quang H, Lê Văn T đã cùng nhau thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

- Khoảng 18 giờ ngày 01/6/2021, bị cáo N rủ bị cáo H đi cướp giật tài sản, tại khu vực cổng Nam chợ mới Chí Công thuộc thôn Thanh Tân, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, bị cáo N có hành vi cướp giật 01 sợi dây chuyền vàng của bà Ngô Thị T1 rồi nhanh chóng nhảy lên xe mô tô biển số 86B1-560.40 do bị cáo H điều khiển để tẩu thoát. Theo kết luận định giá tài sản thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 6.930.000 đồng.

- Khoảng 19 giờ ngày 01/8/2021, bị cáo N rủ bị cáo H và bị cáo T đi trộm cắp tài sản, tại quán tạp hóa Bảy Kim thuộc thôn 1, xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong, cả 03 bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà Nguyễn Thị Kim L 01 bình ắc quy hiệu GS và 01 bình ắc quy hiệu SCB loại 100 Ah, 04 cây thuốc lá 555, 03 cây thuốc lá Craven đỏ, 15 gói thuốc lá Cotab, 05 gói thuốc lá Bastos, 06 gói thuốc lá Saigon bạc, 12 card điện thoại mệnh giá 50.000 đồng (trong đó có 08 card Viettel, 02 card Vinaphone, 02 card Vietnammobile), 06 card điện thoại Vietnammobile mệnh giá 20.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4. Theo kết luận định giá tài sản thì tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.352.000 đồng.

- Khoảng 18 giờ ngày 04/8/2021, bị cáo H rủ bị cáo N đi cướp giật tài sản, trên đường Thống Nhất thuộc khu phố Thanh Giang 2, thị trấn Phan Rí Cửa, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 86B1-560.40 chở bị cáo N để bị cáo N thực hiện hành vi cướp giật 01 sợi dây chuyền vàng có mặt dây chuyền hình tròn khắc hình con rồng của bà Lê Thị P rồi nhanh chóng tẩu thoát. Theo kết luận định giá tài sản thì giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 12.020.400 đồng.

Do bị cáo H đã tái phạm nguy hiểm tại bản án số 195/2013/HSST ngày 14/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận đến nay chưa được xóa án tích nên hành vi phạm tội trong các lần này của bị cáo H được xác định là tái phạm nguy hiểm. Bị cáo N và bị cáo H sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, đây là tình tiết định khung hình phạt "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ những hành vi trên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Trương Quang H về tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản" theo điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật

Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T: Không có.

Bị cáo N và bị cáo H: 02 lần cướp giật tài sản, 01 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm do đó phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo T khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo H đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường cho bị hại Ngô Thị T1 số tiền 6.930.000 đồng nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo N khởi xướng, rủ rê 01 lần cướp giật tài sản và 01 lần trộm cắp tài sản, bị cáo H khởi xướng, rủ rê 01 lần cướp giật tài sản. Khi thực hiện 02 lần hành vi cướp giật tài sản, bị cáo N là người trực tiếp cướp giật tài sản, bị cáo H là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo N ngồi phía sau, tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo N là người trực tiếp trèo lên mái nhà, đập vỡ tôn để vào bên trong nhà, mở cửa cho bị cáo H và bị cáo T vào nhà để cùng trộm cắp tài sản.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng, các bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản, việc bị cáo N và bị cáo H sử dụng xe mô tô để làm phương tiện phạm tội còn có khả năng gây tai nạn giao thông và làm hoang mang cho người đi đường, gây thương tích cho bị hại và ngay cả bản thân các bị cáo. Do đó cần xem xét, áp dụng mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại vật chứng là các tài sản bị chiếm đoạt thu giữ được cho các chủ sở hữu là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô hiệu WINNER X biển số 86B1-560.40 là xe của ông Trương Quang M cho bị cáo H mượn, ông M không biết bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông Minh là có căn cứ.

Đối với số tiền bị cáo N đã nộp 1.000.000 đồng (một triệu đồng), do bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho, không yêu cầu các bị cáo phải trả lại giá trị tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì khác nên Tòa án ghi nhận ý kiến của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại ngay cho bị cáo N số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001503 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong vì không liên quan đến vụ án.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Quang H phạm tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 171 và khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 05 (năm) năm tù về tội "Cướp giật tài sản", 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2021.

Căn cứ: điểm d, điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Quang H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2021.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại ngay cho bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001503 ngày 08/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

3. Về án phí:

Áp dụng: Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn N, Trương Quang H, Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Vũ